

Cuộn điện từ VACN

FESTO



Mã mẫu

001	Dòng	
VACN	Cuộn điện từ VACN	

002	Loại cuộn dây điện từ	
H1	Cuộn điện từ H1 cho ống neo 14 mm	
N	Cuộn điện từ N cho ống neo 9 mm	

003	Cổng nối điện	
A1	Sơ đồ kết nối dạng A theo EN 175301-803	
K1	Cáp	
K11	Cáp có cổng nối ống cách điện	
R3	Đầu cắm đơn M12 được mã hóa a theo EN 61076-2-101	
R4	Đầu cắm đơn M12 được mã hóa A, phân bổ theo DESINA	

004	Điện áp hoạt động định mức	
1	24 V DC	
2A	110 V AC/50-60 Hz	
3A	230 V AC, 50/60 Hz	
16B	120 V AC, 60 Hz và 110 V AC, 50/60 Hz	

005	Chiều dài cáp [m]	
0.5	0.5	
10	10	

006	Chứng nhận Ex - EU	
	Không	
EX2	II 3GD	
EX4	II 2GD	

007	Giấy phép	
	Không có	
U4	Class1 Div1 theo NEC 500	

008	Kiểu bảo vệ	
	Không có	
A	Về bản chất là an toàn	
M	Đóng gói	
N	Không phát ra tia lửa	

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật chung - Cuộn điện từ N cho ống phản ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng A



Cổng nối điện	Dạng A, theo DIN EN 175301-803
Kiểu vận hành	điện
Kiểu gắn	với đai ốc có khóa
Vị trí lắp đặt	bất kì

Thông số kỹ thuật điện - Cuộn điện từ N cho ống phản ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng A							
Điện áp hoạt động định mức	24 V DC			230 V AC, 50/60 Hz		120 V AC, 60 Hz và 110 V AC, 50/60 Hz	
Chứng nhận Ex - EU	Không	II 3GD	II 2GD	Không	II 3GD	Không	II 3GD
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 0,7 W	24 V DC: 2,1 W	–	230 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 6,2 VA, nguồn giữ 3,7 VA, 230 V AC: 60 Hz, nguồn khởi động 4,9 VA, nguồn giữ 2,9 VA	230 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 6,9 VA, nguồn giữ 4,1 VA, 230 V AC: 60 Hz, nguồn khởi động 5,4 VA, nguồn giữ 3,3 VA	110 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 5,2 VA, nguồn giữ 3,1 VA, 110 V AC: 60 Hz, nguồn khởi động 4,2 VA, nguồn giữ 2,5 VA	110 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 6,9 VA, nguồn giữ 4,1 VA, 110 V AC: 60 Hz, nguồn khởi động 5,4 VA, nguồn giữ 3,2 VA
Công suất đầu vào tối đa Pi	–		1,6 W	–			
Điện áp đầu vào tối đa Ui	–		IIC: 28 V IIB: 32 V	–			
Dòng điện đầu vào tối đa Ii	–		IIC: 115 mA IIB: 195 mA	–			
mức tiêu thụ điện năng yêu cầu	–		27 mA	–			
công suất bên trong hiệu quả Ci	–		nhỏ không đáng kể	–			
Dao động điện áp cho phép	+/- 10%		–	+/- 10%			
Độ chịu điện áp xung	–			4 KV	–	2,5 KV	–
Thời gian bật	100%						
Lớp cách nhiệt	F						
Lớp cách điện của dây tráng men	F	H		F	H	F	H
Mức độ bảo vệ	IP65						
mức độ ô nhiễm	–			3	–	3	–
Thông số đầu vào tối đa về mạch điện an toàn	–		xem chứng nhận	–			

Bảng dữ liệu

ATEX - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng A			
Chứng nhận Ex - EU	Không	II 3GD	II 2GD
Danh mục ATEX Khí	–	II 3G	II 2G
Loại chống cháy nổ Khí	–	Ex ec IIC T5 Gc X	Ex ia IIC/IIB T6/T4 Gb
Danh mục ATEX Bụi	–	II 3D	II 2D
Loại chống cháy nổ Bụi	–	Ex tc IIIC T95°C Dc X	Ex tb IIIC T80°C/T130°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	–	–20°C ≤ Ta ≤ +50°C	T4/T130°C: –40°C ≤ Ta ≤ +85°C T6/T80°C: –40°C ≤ Ta ≤ +50°C
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	–	EPL Dc (GB); EPL Gc (GB)	EPL Db (BR); EPL Db (CN); EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL GB (BR); EPL Gb (CN); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)
Cơ quan cấp chứng chỉ	DNV TAA000011J		2.021.322.307.003.993 CCC 2021322307003993 CCC-Ex: 2021322307003993 DNV 15.0188 DNV TAA000011J GYJ21.1326 IECEx PTB 15.0013 PTB 09 ATEX 2043

Vật liệu - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng A	
Vật liệu vỏ	Nhựa, Thép
Vật liệu cuộn dây	Đồng
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Đồng thau
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L

Điều kiện vận hành và môi trường - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng A							
Điện áp hoạt động định mức	24 V DC			230 V AC, 50/60 Hz		120 V AC, 60 Hz và 110 V AC, 50/60 Hz	
Chứng nhận Ex - EU	Không	II 3GD	II 2GD	Không	II 3GD	Không	II 3GD
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 60°C	-20 ... 50°C		-20 ... 60°C	-20 ... 50°C	-20 ... 60°C	-20 ... 50°C
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	2 - bị ăn mòn vừa phải						
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	–	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)	theo chỉ thị điện áp thấp của EU	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU	theo chỉ thị điện áp thấp của EU	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	–	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS	theo quy định UK EX	theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS	theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS
Phân loại hàng hải ³⁾	xem chứng nhận						

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về
3) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật chung – Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện bằng giắc cắm M12x1, mã hóa A



Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	2	4
Tuân theo tiêu chuẩn	ISO 20401	DESINA
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101	
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm	
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít	
Kiểu vận hành	điện	
Kiểu gắn	với đai ốc có khóa	
Vị trí lắp đặt	bất kỳ	
Hiển thị trạng thái tín hiệu	Đèn LED	

Thông số kỹ thuật điện - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện bằng giắc cắm M12x1, mã hóa A

Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 2,7 W
Dao động điện áp cho phép	+/- 10%
Thời gian bật	100%
Lớp cách nhiệt	F
Lớp cách điện của dây tráng men	H
Mức độ bảo vệ	IP65
mức độ ô nhiễm	3

Vật liệu - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện bằng giắc cắm M12x1, mã hóa A

Vật liệu vỏ	Nhựa
Vật liệu cuộn dây điện từ	Chất dẻo nhiệt rắn, Đồng, Thép
Vật liệu cuộn dây	Đồng
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L

Điều kiện vận hành và môi trường - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện bằng giắc cắm M12x1, mã hóa A

Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 60°C
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	2 - bị ăn mòn vừa phải

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật chung - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng cáp



Chứng nhận Ex - EU	Không		II 2GD
Cổng nối điện	Cáp		
Đường kính cáp	–		7 mm
Chiều dài cáp	0,61 m		3 m; 10 m
Kiểu vận hành	điện		
Kiểu gắn	với đai ốc có khóa		
Vị trí lắp đặt	bất kì		

Thông số kỹ thuật điện - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện						
Điện áp hoạt động định mức	24 V DC		230 V AC, 50/60 Hz		120 V AC, 60 Hz và 110 V AC, 50/60 Hz	
Chứng nhận Ex - EU	Không	II 2GD	Không	II 2GD	Không	II 2GD
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 4,6 W	24 V DC: 2,6 W	230 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 11,5 VA, nguồn giữ 8,0 VA	230 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,1 VA	120 V AC: 60 Hz, nguồn khởi động 10,0 VA, nguồn giữ 6,8 VA	110 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,4 VA
Dao động điện áp cho phép	+/- 10%					
Thời gian bật	100%					
Lớp cách nhiệt	H	F	H	F	H	F
Lớp cách điện của dây tráng men	H					
Mức độ bảo vệ	IP65					
Giấy phép	Class1 Div1 theo NEC 500	Không có	Class1 Div1 theo NEC 500	Không có	Class1 Div1 theo NEC 500	Không có

Bảng dữ liệu

ATEX - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng cáp			
Điện áp hoạt động định mức	24 V DC		
Chứng nhận Ex - EU	Không	II 2GD	
Chiều dài cáp	0,61	3	10
Danh mục ATEX Khí	–	II 2G	
Loại chống cháy nổ Khí	AEx m II T4 Ex m II T4	Ex mb IIC T6 Gb	
Danh mục ATEX Bụi	–	II 2D	
Loại chống cháy nổ Bụi	–	Ex mb IIIC T80°C Db Ex mb tb IIIC T80°C Db	
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	–20°C <= Ta <= +60°C	-20°C <= Ta <= +40°C (khối) -20°C <= Ta <= +50°C (đơn)	
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	Class I, Div. 1 (CA); Class I, Div. 1 (US); Class I, Div. 2 (CA); Class II, Div. 1 (CA); Class II, Div. 1 (US); Class III, Div. 1 (CA); Class III, Div. 1 (US); EPL Gb (US)	EPL Db (BR); EPL Db (CN); EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL GB (BR); EPL Gb (CN); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)	EPL Db (CN); EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL Gb (CN); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)
Cơ quan cấp chứng chỉ	CSA 265489 DNV TAA000011J FM 3053936	CCC 2021322307003994 DNV 15.0189 X/02 DNV TAA000011J GYJ21.1327X IECEx PTB 15.0016X PTB 14 ATEX 2027 XPTB	

ATEX - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng cáp				
Điện áp hoạt động định mức	230 V AC, 50/60 Hz		120 V AC, 60 Hz và 110 V AC, 50/60 Hz	
Chứng nhận Ex - EU	Không	II 2GD	Không	II 2GD
Chiều dài cáp	0,61	3	0,61	3
Danh mục ATEX Khí	–	II 2G	–	II 2G
Loại chống cháy nổ Khí	AEx m II T4 Ex m II T4	Ex mb IIC T6 Gb	AEx m II T4 Ex m II T4	Ex mb IIC T6 Gb
Danh mục ATEX Bụi	–	II 2D	–	II 2D
Loại chống cháy nổ Bụi	–	Ex mb IIIC T80°C Db Ex mb tb IIIC T80°C Db	–	Ex mb IIIC T80°C Db Ex mb tb IIIC T80°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	–20°C ≤ Ta ≤ +60°C	-20°C ≤ Ta ≤ +40°C (khối) -20°C ≤ Ta ≤ +50°C (đơn)	–20°C ≤ Ta ≤ +60°C	-20°C ≤ Ta ≤ +40°C (khối) -20°C ≤ Ta ≤ +50°C (đơn)
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	Class I, Div. 1 (CA); Class I, Div. 1 (US); Class I, Div. 2 (CA); Class II, Div. 1 (CA); Class II, Div. 1 (US); Class III, Div. 1 (CA); Class III, Div. 1 (US); EPL Gb (US)	EPL Db (BR); EPL Db (CN); EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL GB (BR); EPL Gb (CN); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)	Class I, Div. 1 (CA); Class I, Div. 1 (US); Class I, Div. 2 (CA); Class II, Div. 1 (CA); Class II, Div. 1 (US); Class III, Div. 1 (CA); Class III, Div. 1 (US); EPL Gb (US)	EPL Db (BR); EPL Db (CN); EPL Db (GB); EPL Db (IEC-EX); EPL GB (BR); EPL Gb (CN); EPL Gb (GB); EPL Gb (IEC-EX)
Cơ quan cấp chứng chỉ	CSA 265489 DNV TAA000011J FM 3053936	CCC 2021322307003994 DNV 15.0189 X/02 DNV TAA000011J GYJ21.1327X IECEx PTB 15.0016X PTB 14 ATEX 2027 XPTB	CSA 265489 DNV TAA000011J FM 3053936	CCC 2021322307003994 DNV 15.0189 X/02 DNV TAA000011J GYJ21.1327X IECEx PTB 15.0016X PTB 14 ATEX 2027 XPTB

Vật liệu - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng cáp						
Điện áp hoạt động định mức	24 V DC [1]		230 V AC, 50/60 Hz [3A]		120 V AC, 60 Hz và 110 V AC, 50/60 Hz [16B]	
Chứng nhận Ex - EU	Không	II 2GD	Không	II 2GD	Không	II 2GD
Vật liệu vỏ	Nhựa, Thép					
Vật liệu cuộn dây	Đồng					
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS					
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III	VDMA24364-B2-L	VDMA24364 Vùng III	VDMA24364-B2-L	VDMA24364 Vùng III	VDMA24364-B2-L

Bảng dữ liệu

Điều kiện môi trường và vận hành - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng cáp		
Điện áp hoạt động định mức	24 V DC	
Chứng nhận Ex - EU	Không	II 2GD
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 60°C	-20 ... 50°C
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	2 - bị ăn mòn vừa phải	
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	–	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	–	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS
Phân loại hàng hải ³⁾	xem chứng nhận	
Cơ quan cấp chứng chỉ	CSA 265489 DNV TAA000011J FM 3053936	CCC 2021322307003994 DNV 15.0189 X/02 DNV TAA000011J GYJ21.1327X IECEX PTB 15.0016X PTB 14 ATEX 2027 XPTB

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

3) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Điều kiện môi trường và vận hành - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng cáp				
Điện áp hoạt động định mức	230 V AC, 50/60 Hz		120 V AC, 60 Hz và 110 V AC, 50/60 Hz	
Chứng nhận Ex - EU	Không	II 2GD	Không	II 2GD
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 60°C	-20 ... 50°C	-20 ... 60°C	-20 ... 50°C
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	2 - bị ăn mòn vừa phải			
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	–	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU	–	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	–	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS	–	theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS
Phân loại hàng hải ³⁾	xem chứng nhận			
Cơ quan cấp chứng chỉ	CSA 265489 DNV TAA000011J FM 3053936	CCC 2021322307003994 DNV 15.0189 X/02 DNV TAA000011J GYJ21.1327X IECEX PTB 15.0016X PTB 14 ATEX 2027 XPTB	CSA 265489 DNV TAA000011J FM 3053936	CCC 2021322307003994 DNV 15.0189 X/02 DNV TAA000011J GYJ21.1327X IECEX PTB 15.0016X PTB 14 ATEX 2027 XPTB

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

3) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật chung - Cuộn điện từ H1 cho ống phần ứng 14 mm, trang bị đầu nối điện dạng A



Cổng nối điện	Dạng A, Giắc cắm, theo DIN EN 175301-803, thiết kế vuông
Kiểu gắn	với đai ốc khóa
Kết nối vít mô-men xoắn cực đại	2 N m
Vị trí lắp đặt	bất kì
Hiển thị vị trí chuyển mạch	không

Thông số kỹ thuật điện - Cuộn điện từ H1 cho ống phần ứng 14 mm, trang bị đầu nối điện dạng A

Điện áp hoạt động định mức	24 V DC	110 V AC/50-60 Hz	230 V AC, 50/60 Hz
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 11,9 W	110 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 36,0 VA, nguồn giữ 18,5 VA	230 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 36,0 VA, nguồn giữ 18,9 VA
Dao động điện áp cho phép	+/- 10%		
Tần số dao động cho phép	+/- 10%		
Độ chịu điện áp xung	—	2,5 KV	4 KV
Thời gian bật	100%		
hệ số công suất cos {phi}	0,7		
Thời gian siết tối thiểu	12 ms		
Mức độ bảo vệ	IP65		
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp		
mức độ ô nhiễm	—	3	

Vật liệu - Cuộn điện từ H1 cho ống phần ứng 14 mm, trang bị đầu nối điện dạng A

Vật liệu cuộn dây điện từ	Đồng, Thép, Nhựa nhiệt dẻo
Vật liệu cuộn dây	Đồng
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

Điều kiện vận hành và môi trường – Cuộn điện từ H1 cho ống phần ứng 14 mm, trang bị đầu nối điện dạng A

Điện áp hoạt động định mức	24 V DC	110 V AC/50-60 Hz	230 V AC, 50/60 Hz
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 50°C		
Giới hạn nhiệt độ môi trường và môi trường	(với thời gian bật hạn chế), -20 - 60°C		
Lớp chống ăn mòn KBK ¹⁾	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh		
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ²⁾	—	theo chỉ thị điện áp thấp của EU	
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	—	theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện	

1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... Hỗ trợ/Tải về

Kích thước

Kích thước – Các cuộn điện từ VACN-N-A1 Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

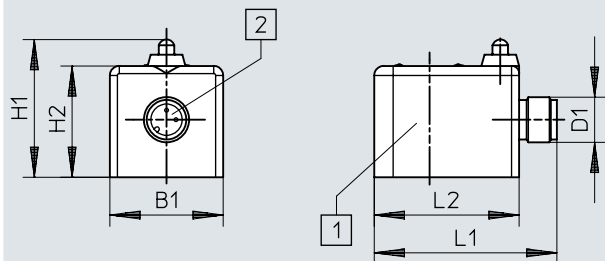
[1] Mẫu giắc cắm theo EN 175301-803, Mẫu A
[2] Cuộn điện từ
[3] Vít gắn M3

	B1	H1	H3	L1	L2	L4
VACN-N-A1-...	30	29,5	15,3	47,6	35,5	14,7

Kích thước

Kích thước – Các cuộn điện từ VACN-N-R3-1

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



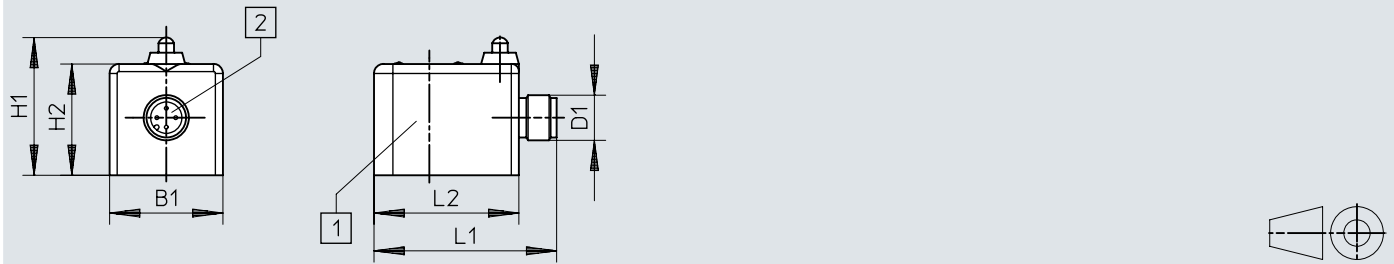
[1] Cuộn điện từ

[2] Giắc cắm M12x1, mã hóa A, 2 chân theo ISO 20401

	B1	D1	H1	H2	L1	L2
VACN-N-R3-1	30	M12x1	36,5	29,5	48,4	38,4

Kích thước

Kích thước – Các cuộn điện từ VACN-N-R4-1 Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



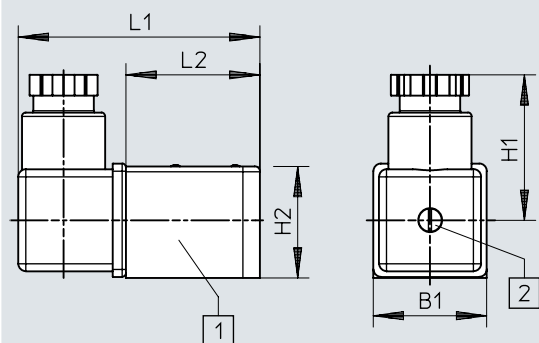
- [1] Cuộn điện từ
- [2] Giắc cắm M12x1, mã A, 4 chân theo Desina

	B1	D1	H1	H2	L1	L2
VACN-N-R4-1	30	M12x1	34,4	29,5	48,4	38,4

Kích thước

Kích thước – Các cuộn điện từ VACN-N-A1-...-EX2-N

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



[1] Cuộn điện từ

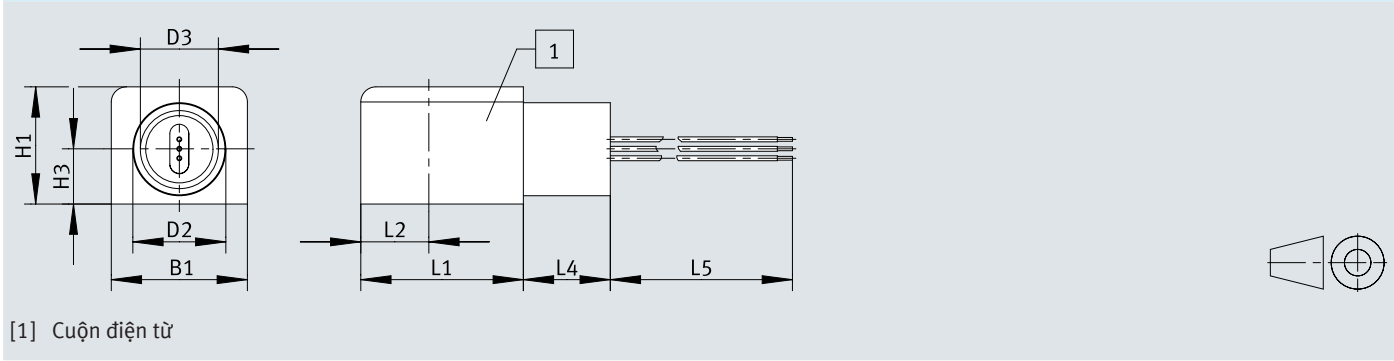
[2] Vít gắn M3



	B1	H1	H2	L1	L2
VACN-N-A1-...-EX2-N	30	38,5	29,5	64	35,5

Kích thước

Kích thước – Cuộn điện từ VACN-N-K11...-U4-M Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

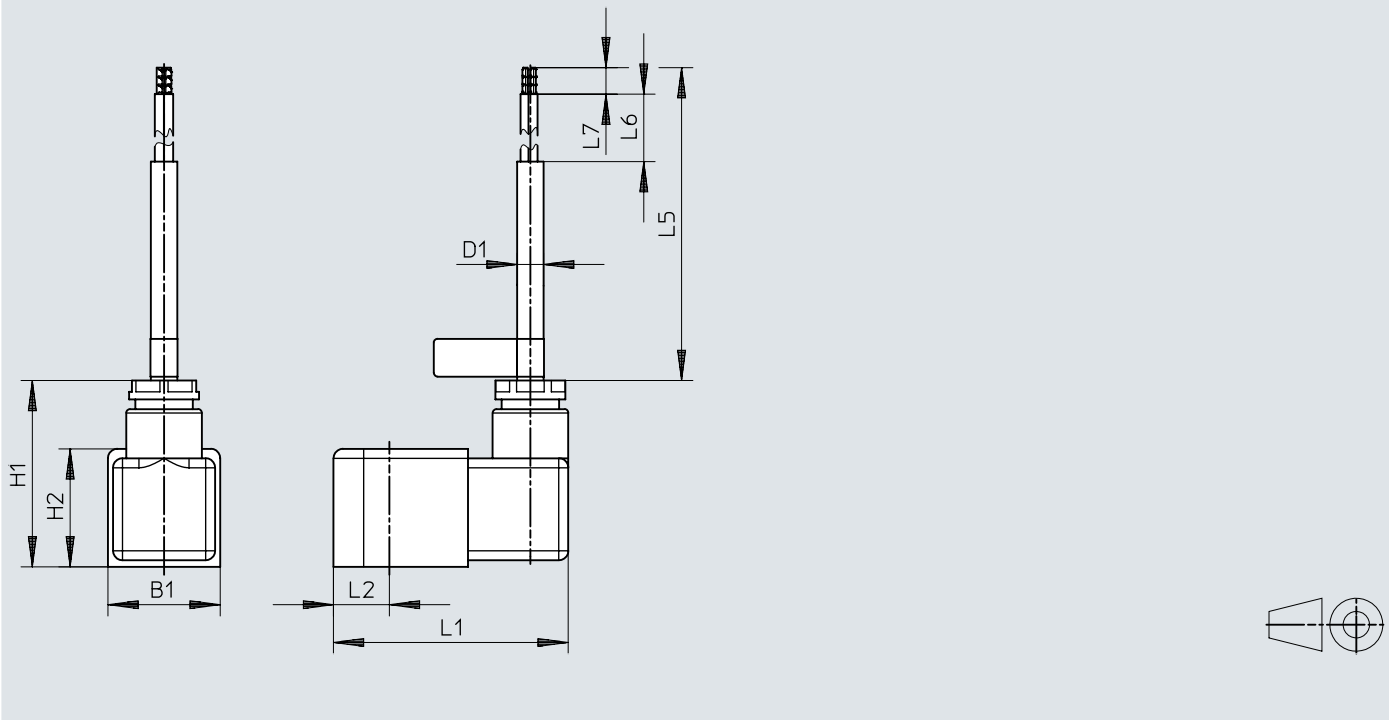


	B1 +0,2 -0,5	D2 ø	D3	H1 +0,35 -0,15	H3	L1	L2	L4	L5 ±10
VACN-N-K11-...	36	24,6	1/2NPT	31	14,5	43	18	23	610

Kích thước

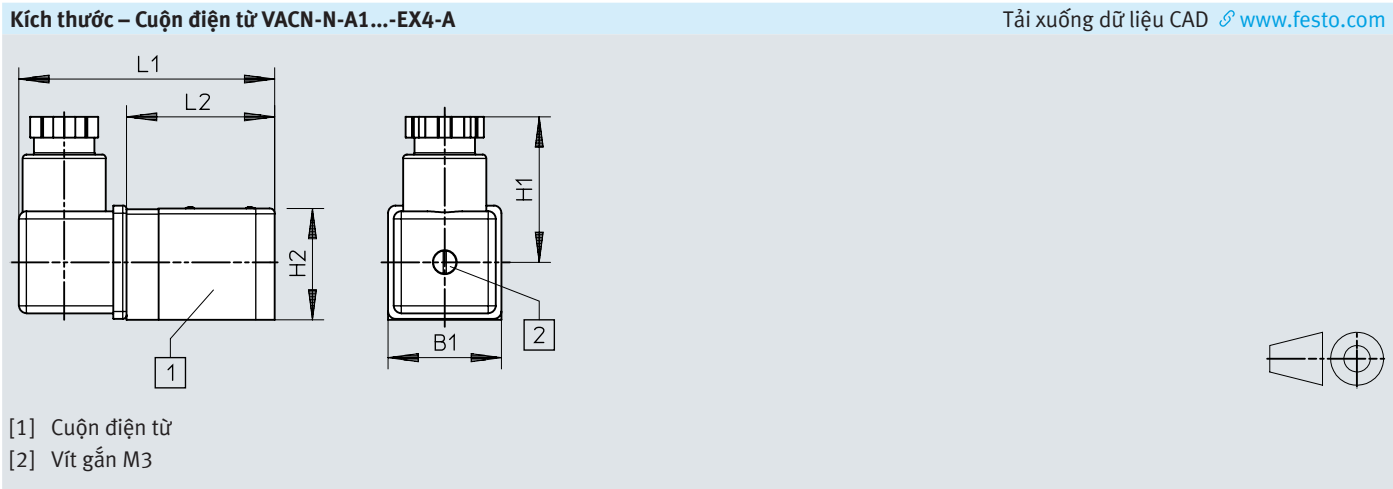
Kích thước – Các cuộn điện từ VACN-N-K1-...-EX4-M

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	B1	D1	H1	H2	L1	L2	L5	L6	L7
VACN-N-K1-1-EX4-M	29,7	7	49,3	31,3	67	14,8	3000	43	7
VACN-N-K1-1-10-EX4-M	29,7	7	49,3	31,3	67	14,8	10000	43	7
VACN-N-K1-16B-EX4-M	29,7	7	49,3	31,3	67	14,8	3000	43	7
VACN-N-K1-3A-EX4-M	29,7	7	49,3	31,3	67	14,8	3000	43	7

Kích thước



	B1	H1	H2	L1	L2
VACN-N-A1...-EX4-A	30	38,5	29,5	67,7	39,2

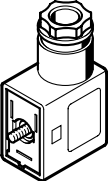
Thông tin đặt hàng

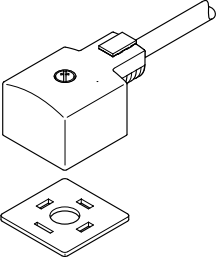
Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện bằng giắc cắm						
Điện áp hoạt động định mức	Cổng nối điện	Tuân theo tiêu chuẩn	Chứng nhận Ex - EU	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
	Đầu cắm đơn M12 được mã hóa a theo EN 61076-2-101	ISO 20401		100 g	8104526	VACN-N-R3-1
	Đầu cắm đơn M12 được mã hóa A, phân bố theo DESINA	DESINA			8104527	VACN-N-R4-1
24 V DC	Sơ đồ kết nối dạng A theo EN 175301-803		Không	95 g	8029144	VACN-N-A1-1
			II 3GD		8029136	VACN-N-A1-1-EX2-N
			II 2GD	114 g	8029139	VACN-N-A1-1-EX4-A
230 V AC, 50/60 Hz			Không	95 g	8029135	VACN-N-A1-3A
			II 3GD		8029138	VACN-N-A1-3A-EX2-N
120 V AC, 60 Hz và 110 V AC, 50/60 Hz			Không		8029134	VACN-N-A1-16B
			II 3GD		8029137	VACN-N-A1-16B-EX2-N

Thông tin đặt hàng -Cuộn điện từ N cho ống phần ứng 9 mm, trang bị đầu nối điện dạng cáp						
Điện áp hoạt động định mức	Cổng nối điện	Chứng nhận Ex - EU	Chiều dài cáp	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
24 V DC	Cáp	II 2GD	3 m	353 g	8029143	VACN-N-K1-1-EX4-M
			10 m	762 g	8141606	VACN-N-K1-1-10-EX4-M
	Cáp có cổng nối ống cách điện	Không	0,61 m	207 g	8029146	VACN-N-K11-1-0.5-U4-M
230 V AC, 50/60 Hz	Cáp	II 2GD	3 m	353 g	8029141	VACN-N-K1-3A-EX4-M
	Cáp có cổng nối ống cách điện	Không	0,61 m	207 g	8029140	VACN-N-K11-3A-0.5-U4-M
120 V AC, 60 Hz và 110 V AC, 50/60 Hz	Cáp	II 2GD	3 m	353 g	8029142	VACN-N-K1-16B-EX4-M
	Cáp có cổng nối ống cách điện	Không	0,61 m	207 g	8029145	VACN-N-K11-16B-0.5-U4-M

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ H1 cho ống phần ứng 14 mm, trang bị đầu nối điện bằng giắc cắm						
Điện áp hoạt động định mức	Cổng nối điện	Chứng nhận Ex - EU	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại	
24 V DC	Sơ đồ kết nối dạng A theo EN 175301-803	Không	150 g	8022877	VACN-H1-A1-1	
110 V AC/50-60 Hz				8022878	VACN-H1-A1-2A	
230 V AC, 50/60 Hz				8022879	VACN-H1-A1-3A	

Phụ kiện

Ổ cắm				
	Cổng nối điện	Bộ kết nối cáp	Số bộ phận	Loại
	3 cực, Ổ cắm dạng góc, Dạng A, theo DIN EN 175301-803, thiết kế vuông	M16	539709	MSSD-C-M16
	3 cực, Ổ cắm dạng góc, Dạng A, theo DIN EN 175301-803, thiết kế vuông MSC, thiết kế vuông MSN1	Pg9	34583	MSSD-C

Cáp kết nối							
	Cổng nối điện	Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Điện áp hoạt động danh định DC	Điện áp hoạt động danh định AC	Chiều dài cáp	Số bộ phận	Loại
		Kiểu kết nối A dựa trên EN 175301-803	24 V	24 V	0,3 m	3679771	NEBV-A1W3F-P-K-0.3-N-M12W3
					0,6 m	3679776	NEBV-A1W3F-P-K-0.6-N-LE3
						3679772	NEBV-A1W3F-P-K-0.6-N-M12W3
			110 V	110 V	0,3 m	3579461	NEBV-A1W3-K-0.3-N-M12W3
					0,6 m	3579462	NEBV-A1W3-K-0.6-N-M12W3
			230 V	230 V		3579466	NEBV-A1W3-K-0.6-N-LE3
	Ổ cắm, Dạng A				2,5 m	30932	KMC-1-230AC-2,5
					5 m	30934	KMC-1-230AC-5
			24 V		2,5 m	30931	KMC-1-24DC-2,5-LED
					5 m	30933	KMC-1-24DC-5-LED
					10 m	193459	KMC-1-24-10-LED

Vòng đệm kín phát sáng					
	Cổng nối điện	Điện áp hoạt động danh định AC	Dải điện áp hoạt động DC	Số bộ phận	Loại
	Dạng A, theo DIN EN 175301-803, thiết kế vuông MSC		12 ... 24 V	19145	MC-LD-12-24DC
		230 V		19146	MC-LD-230AC